

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 778/2022/HS-PT

Ngày: 20/10/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Hạnh;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Mai Anh Tài.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Quang Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1165/2021/TLPT-HS ngày 21 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2021/HS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

**Nguyễn Thị H** - Tên gọi khác: không; sinh ngày 01/01/1981 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 4, khu Minh H1, phường Cẩm B, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Nguyễn Đức H1 và bà Nguyễn Thị T1; có chồng là Cao Văn T2; có ba con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt giam ngày 15/12/2020, có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H do Toà án chỉ định:** Luật sư Đinh Thị P – Công ty Luật Bông Sen V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

**\* Bị hại:**

1. Chị Lã Thị P1, sinh năm 1974; ĐKKHKT tại: Thiên H2, huyện Thủy N3, thành phố Hải Phòng;

2. Anh Đặng Văn T4, sinh năm 1980; ĐKKHKT tại: Tổ 4, khu 8, Cẩm T5, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh;

3. Anh Vũ Văn M, sinh năm 1982; ĐKKHKT tại: Tổ 4, khu Cao S 3; phường Sơn C, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng Ninh;

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để buôn bán và mua nhà nên H đã vay tiền, tài sản của nhiều người trên địa bàn thành phố Cẩm P. Quá trình buôn bán, H không đủ tiền trả lãi, gốc các khoản vay mượn nên H nói dối mình có khả năng xin việc, lo thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi nhận tiền của nhiều người để trả nợ. Đến đầu tháng 9/2011 H bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Cụ thể:

### ***I. Hành vi vay tiền rồi bỏ trốn để chiếm đoạt.***

1. Trong thời gian từ năm 2003 đến năm 2008, H nhiều lần vay tiền của bà Vũ Thị T6 . Đến tháng 4/2008, H và bà T6 chốt lại số tiền vay là 198.000.000đ (một trăm chín mươi tám triệu đồng), và lập giấy vay tiền, có ký nhận của hai bên. H hứa khi nào bà T6 cần sẽ trả đầy đủ nhưng sau đó bỏ trốn, không trả cho bà Thảo.

2. Cuối năm 2010, đầu năm 2011, H nhiều lần vay tiền của bà Dương Tuyết H4. Đến ngày 16/6/2011, bà H và H đã viết giấy chốt số tiền H vay là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). H giao cho bà H 01 thẻ ATM tiền lương của chồng H là Cao Văn T7. Sau đó, H bỏ trốn (ông Sác là chồng bà H thừa nhận bị cáo đã trả 35.350.000đ)

3. Từ khoảng cuối năm 2009 đến năm 2011, H nhiều lần vay của chị Lã Thị P1 (sinh năm 1974, trú tại tổ 5, khu 7, phường Cẩm T5, thành phố Cẩm P) với tổng số tiền là 370.000.000đ (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) khi vay hai bên có ký nhận vào một quyển sổ, sau đó H không trả mà bỏ trốn.

4. Tháng 4/2011, thông qua sự giới thiệu của chị Lã Thị P1, Nguyễn Thị H dùng hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Vũ S1 thế chấp cho anh Đặng Văn T4 (sinh năm 1980, trú tại tổ 4, khu 8, phường Cẩm T5, thành phố Cẩm P) để vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) sau đó bỏ trốn không trả tiền cho anh Tiến.

**Tổng số tiền H vay rồi bỏ trốn để chiếm đoạt của 04 người là 818.000.000đ (Tám trăm mười tám triệu đồng).**

### ***II. Hành vi nói dối để vay tiền.***

1. Do muốn tiếp tục vay tiền của bà Vũ Thị T6 để trả nợ nên H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Lã Thị P1 mang đến thế chấp cho bà T6 để vay tiền. Ngày 20/11/2010, H gặp bà Thảo. H nói dối là đã mua thửa đất của chị Phương để bà T6 tin tưởng cho vay. Bà T6 tưởng thửa đất này là của H nên đồng ý cho H thế chấp vay 1,5 lượng vàng (tương đương 70.050.000đ) và 50.000.000đ (hai bên có viết giấy vay tiền, vàng). Tổng cộng cả tiền và vàng là 120.050.000đ (Một trăm hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó, H nói dối bà T6 cho mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp

để làm thủ tục sang tên, rồi mang trả lại chị Phương giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Vào tháng 4 năm 2011, H nói dối anh Vũ S1 là có thể làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh S1 tin tưởng giao cho H bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để trả nợ và chi tiêu hết, còn hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H đem thế chấp cho anh Đặng Văn T4 để vay tiền.

3. Khoảng tháng 3 năm 2011, H nói dối anh Vũ Văn M là H có khả năng xin việc cho người khác nên vợ chồng anh M đã tin tưởng và giao cho H 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) để nhờ H mua chứng chỉ nấu ăn và xin cho vợ anh M là chị Nguyễn Thị T8 vào làm công nhân cấp dưỡng tại Công ty than Tây Nam Đá M. Sau khi nhận được tiền của anh M, H không xin việc cho chị T8 mà dùng để trả nợ rồi bỏ trốn.

4. Khoảng tháng 01/2011, bà Phạm Thị H5 mua thửa đất ở tổ 14A, khu Ngõ Quyền, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm P mang tên Nguyễn Thị Lịch, bà Hồng nhờ H làm thủ tục sang tên cho bà H6H đồng ý. Cũng trong khoảng thời gian này, do áp lực trả nợ, H đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên mang đến nhà bà Dương Tuyết H4, nói dối bà H là H đang mua lại mảnh đất này, nhà chưa bán được và đang cần tiền để trả tiền thửa đất nên thế chấp cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H tin tưởng đồng ý cho H thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhiều lần vay tiền với tổng số là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 1,5 lượng vàng - tương đương 70.050.000đ (Bảy mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó bà Hồng đã trả cho bà H được toàn bộ số tiền H đã lừa bà Hòa.

Tổng số tiền H có hành vi gian dối để chiếm đoạt là 315.100.000đ (Ba trăm mười lăm nghìn một trăm đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2021/HS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s khoản 1; 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 07 (bảy) năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; 12 (mười hai) năm tù về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 19 (mười chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 15/12/2020.

Về trả lại tài sản: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải trả lại chị Lã Thị P1 số tiền 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng); anh Đặng Văn T4 số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng); anh Vũ Thế M số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) (tổng cộng là 540.000.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2021 bị cáo Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại và các bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết luận:

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H trong hạn luật định, đúng trình tự quy định của pháp luật cần được chấp nhận để xét.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bị cáo, tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều có thêm các tình tiết mới. Rút tình tiết tăng nặng đối với bị cáo và thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả theo điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và nghe tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H đảm bảo về mặt hình thức, trong hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm; Luật sư do Tòa án chỉ định bào chữa vắng mặt, có gửi nộp bản bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H, bị cáo nhất trí xét xử vắng mặt luật sư.

[1]. Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại

về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi và tội danh của bị cáo Nguyễn Thị H :

Căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại là những người cho bị cáo vay tiền, các giấy vay tiền có ký nhận của bị cáo, kết luận giám định chữ ký chữ viết của bị cáo trên các giấy vay tiền, thì thấy trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2011 Nguyễn Thị H đã có hành vi vay tiền, vàng của chị Lã Thị P1 370.000.000 đồng, bà Dương Tuyết H4 150.000.000 đồng, bà Vũ Thị T6 198.000.000 đồng, anh Đặng Văn T4 100.000.000 đồng nhưng không trả mà bỏ trốn để chiếm đoạt.

Bị cáo đã chiếm đoạt của 4 người với tổng số tiền là 818.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo H cho rằng trong tổng số 370 triệu đồng bị cáo vay của chị Phương thì trước khi bỏ trốn bị cáo đã trả được 230 triệu đồng chỉ chiếm đoạt 140 triệu đồng. Tuy nhiên bị cáo không đưa ra được một tài liệu nào chứng minh bị cáo đã trả được 230 triệu đồng do vậy không chấp nhận quan điểm của bị cáo.

Ngoài ra Nguyễn Thị H còn có các hành vi như sau: Do muốn tiếp tục vay tiền của bà Vũ Thị T6 để trả nợ nên H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Lã Thị P1 mang đến thế chấp cho bà T6 để vay tiền. Ngày 20/11/2010, H gặp bà Thảo. H nói dối là đã mua thửa đất của chị Phương để bà T6 tin tưởng cho vay. Bà T6 tưởng thửa đất này là của H nên đồng ý cho H thế chấp vay 1,5 lượng vàng (tương đương 70.050.000 đồng) và 50.000.000 đồng (hai bên có viết giấy vay tiền, vàng). Tổng cộng cả tiền và vàng là 120.050.000đ (Một trăm hai mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó, H nói dối bà T6 cho mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp để làm thủ tục sang tên, rồi mang trả lại chị Phương giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào tháng 4 năm 2011, H nói dối anh Vũ S1 (sinh năm 1979, trú tại tổ 3, khu 1, phường Cẩm T5, thành phố Cẩm P) là có thể làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh S1 tin tưởng giao cho H bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Sau khi nhận được tiền, H sử dụng để trả nợ và chi tiêu hết, còn hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H đem thế chấp cho anh Đặng Văn T4 để vay tiền.

Khoảng tháng 3 năm 2011, H nói dối anh Vũ Văn M (sinh năm 1982, trú tại Tổ 4, khu Cao S 3, phường Cẩm S, thành phố Cẩm P) là H có khả năng xin việc cho người khác nên vợ chồng anh M đã tin tưởng và giao cho H 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) để nhờ H mua chứng chỉ nấu ăn và xin cho vợ anh M là chị Nguyễn Thị T8 vào làm công nhân cấp dưỡng tại Công ty than Tây Nam Đá M. Sau khi nhận được tiền của anh M , H không xin việc cho chị Thoi mà dùng để trả nợ rồi bỏ trốn.

Khoảng tháng 01/2011, bà Phạm Thị H7 (sinh năm 1966, trú tại tổ 6, khu 6, phường Cẩm T5) mua thửa đất ở tổ 14A, khu Ngõ Q, phường Cẩm Đ, thành phố Cẩm P mang tên Nguyễn Thị L, bà Hồng nhờ H làm thủ tục sang tên cho bà H6, H đồng ý. Cũng trong khoảng thời gian này, do áp lực trả nợ, H đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên mang đến nhà bà Dương Tuyết H4, nói dối bà H là H đang mua lại mảnh đất này, nhà chưa bán được và đang cần tiền để trả tiền thửa đất nên thế chấp cho bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H tin tưởng đồng ý cho H thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhiều lần vay tiền với tổng số là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 1,5 lượng vàng - tương đương 70.050.000đ (Bảy mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Với hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị H đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử bị cáo Nguyễn Thị H theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và theo điểm a khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự (năm 2015) tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" là đúng người, đúng tội.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị H là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã thực hiện xâm phạm đến quyền sở hữu được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây mất trật tự công cộng, làm sứt mẻ lòng tin giữa con người và con người, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị H cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, nhằm giáo dục, cải tạo đồng thời răn đe và phòng chống tội phạm chung.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H xin giảm nhẹ hình phạt như sau:

Đối với ý kiến của Luật sư: có quan điểm chưa đồng nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm; tuy nhiên luật sư đã chỉ ra bị cáo Nguyễn Thị H, đã thực hiện một phần bồi tH cho bị hại Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 là thiếu sót và xác định bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 LHS đề nghị được áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS là phù hợp.

- Về tình tiết tăng nặng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cộng tiền các lần phạm tội để xác định tình tiết định khung do bị cáo chiếm đoạt tiền của nhiều người, thì không áp dụng phạm tội nhiều lần. Tòa án cấp sơ thẩm lại bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự cho bị cáo, là chưa đúng khoản 2 Điều 52 BLHS; nên cần phải sửa lại án sơ thẩm, bỏ tình tiết "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, cho cả hai tội, đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thị H thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mất sớm, mẹ thuộc diện hộ cận nghèo, đã trả được một số tiền cho bị hại cả hai tội là 593.000.000 đồng, nhưng Tòa án

cấp sơ thẩm lại không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là không đúng với qui định của pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tác động gia đình tiếp tục bồi tH cho các bị hại trong cả hai tội là 75.000.000 đồng. Các bị hại là anh Đặng Văn T4, anh Vũ Văn M, chị Lã Thị P1 đều có ý kiến bằng văn bản đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo H để sớm tái hòa nhập về xã hội. Như vậy, Bị cáo Nguyễn Thị H đủ điều kiện để hưởng tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do đó, cần bỏ tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và áp dụng bổ xung tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS, cho cả hai tội, đối với bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo có thái độ thực sự tỏ ra ăn năn hối cải, tiếp tục tác động gia đình bồi tH thêm cho các bị hại, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết mới sẽ được Tòa cấp phúc thẩm bổ sung cho bị cáo Nguyễn Thị H khi lượng hình.

Từ những đánh giá nhận định nêu trên, có căn chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H, như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đánh giá phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận; cần sửa bản án hình sự sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo được chấp nhận, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ Điều 355; Điều 357 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH**

[1]. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H ; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 125/2021/HS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[1.1]. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự (năm 1999), điểm s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự (năm 2015), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 6 (sáu) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

[1.2]. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự (năm 2015), điểm s, b khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự (năm 2015), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 10 (mười) năm tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

[1.3]. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự (năm 2015), tổng hợp hình phạt cho cả hai tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 15/12/2020.

[2]. Án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Hạnh**



